TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 266/2024/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 05 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 305/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1992

HKTT: Tổ 13, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở: Tổ 08, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

*** Bị đơn:** Anh Trần Đ, sinh năm 1980

HKTT: Tổ 05, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở: Tổ 08, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên Căn cứ vào Điều 146; Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị H và anh Trần Đ

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Trần Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có một con chung là Trần Khánh N, sinh ngày 25/10/2022.

Khi ly hôn hai bên thống nhất, giao con chung là Trần Khánh N, sinh ngày 25/10/2022 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu N

đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thống nhất, anh Trần Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Trần Khánh N là 4.000.000 đồng/ tháng (Bốn triệu đồng/ tháng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 (Dương lịch).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có. Tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

2.4. Án phí: Chị Vũ Thị H nhận nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con vào ngân sách nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002868 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường TL, TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân